

Số: 6119/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Ngữ văn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP, ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH;

Căn cứ Quyết định số 4155/QĐ-ĐHSP, ngày 4 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Ngữ văn, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Ngữ văn của Trường Đại học Sư phạm.

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo là tài liệu cung cấp thông tin chi tiết về chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Ngữ văn giúp người học, nhà tuyển dụng lao động và các bên liên quan khác hiểu về chương trình đào tạo; là tài liệu phục vụ cho hoạt động rà soát nội bộ và giám sát các hoạt động của chương trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng khoa Ngữ văn, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *vt*

- Ban Giám hiệu (để c/d);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, Khoa Ngữ văn, KT&ĐBCLGD.



PGS.TS. Nguyễn Thị Tinh

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN SƯ PHẠM NGỮ VĂN**

*(kèm theo Quyết định số 6119/QĐ-ĐHSP ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường
Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)*

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Ngữ văn được điều chỉnh năm 2018 nhằm mục đích phát triển một số ngành đào tạo của trường đại học sư phạm đạt tiêu chuẩn quốc gia; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học và thực hiện các chương trình về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

Chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Ngữ văn được kế thừa từ chương trình đào tạo sư phạm Ngữ văn trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục phổ thông. Tất cả các môn học của chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Ngữ văn được giảng dạy bằng tiếng Việt bởi các giảng viên chuyên ngành của Khoa Ngữ văn.

Sinh viên học tập tại khoa Ngữ văn được cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục và sư phạm Ngữ văn, được giới thiệu các giáo trình, chuyên khảo tại thư viện của Trường ĐHSP và trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Sư phạm Ngữ văn
Tên chương trình (tiếng Anh)	Philology Education
Mã ngành đào tạo:	7140217
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân sư phạm
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	135
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 135 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.

Vị trí việc làm:	- Giảng dạy Ngữ văn tại các trường THCS, THPT; Giảng dạy ngôn ngữ, giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài; - Làm chuyên viên các TT nghiên cứu, sáng tác văn học, các Vụ, Viện nghiên cứu KHXH và KHGD; - Làm cán bộ công chức, chuyên viên các cơ quan đoàn thể xã hội; - Làm tại các cơ quan báo, đài truyền hình, dịch vụ, hướng dẫn viên du lịch.
Học tập nâng cao trình độ:	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	- Chương trình nước ngoài: CTĐT của Nga, Trung Quốc - Chương trình trong nước: CTĐT đào tạo của SP Hà Nội
Thời gian cập nhật bản mô tả	8/2018

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Ngữ văn là đào tạo giáo viên Ngữ văn, cán bộ nghiên cứu, chuyên viên phụ trách chuyên môn tại các cơ sở giáo dục, nghiên cứu tại các cơ quan văn hóa thuộc khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và trong cả nước.

Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn dạy học Ngữ văn; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, tự thích ứng để học tập suốt đời; có ý thức phục vụ nhân dân.

3.2. Mục tiêu cụ thể

M1. Có kiến thức chuyên môn toàn diện.

M2. Có kiến thức về Lý luận dạy học, Tâm lý học, Giáo dục học và vận dụng được trong dạy học Ngữ văn, giáo dục học sinh.

M3. Có kiến thức về khoa học xã hội & nhân văn, khoa học Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

M4. Có kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin, kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong hoạt động chuyên môn.

M5. Có kiến thức cơ bản về quản lý trường phổ thông; có kỹ năng tư vấn, hỗ trợ người học.

M6. Thực hiện được các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học.

M7. Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm và kỹ năng mềm để tự phát triển nghề nghiệp; sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

M8. Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với người học, nhà trường, xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

*** Kiến thức chung**

1) C1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; pháp luật Việt Nam, quốc phòng - an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

2) C2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của Tâm lý học, Giáo dục học và quản lý nhà trường vào việc tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

*** Kiến thức chuyên môn**

3) C3: Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên môn toàn diện vào dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

4) C4: Vận dụng được kiến thức cơ bản về Văn học, Văn hóa, Ngôn ngữ để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

5) C5: Vận dụng được các phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn, khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục.

6) C6: Phân tích đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực người học, nhu cầu phát triển năng lực người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kỹ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp.

4.2. Kỹ năng

*** Kỹ năng chung**

7) C7: Thực hiện được hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

8) C8: Đạt trình độ tin học IC3, ICDL, MOS hoặc tương đương và ứng dụng được trong hoạt động chuyên môn, giáo dục.

9) C9: Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

10) C10: Thực hiện được các hoạt động tự trải nghiệm nghề nghiệp để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp và dẫn dắt người khác tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp.

*** Kỹ năng chuyên môn**

11) C11: Thực hiện được các bài thuyết trình; tuyên truyền, thuyết phục được người nghe trong những nhiệm vụ cụ thể của nghề nghiệp.

12) C12: Vận dụng được các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

13) C13: Kỹ năng ứng dụng các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học Ngữ văn cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

14) C14: Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

15) C15: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.

16) C16: Xây dựng được kế hoạch chuyên môn, lập được kế hoạch quản lý, điều phối, cải tiến, phát triển các hoạt động chuyên môn hợp lý với thực tiễn giáo dục phổ thông.

17) C17: Nhận thức được nhu cầu và có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.

(Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về CDR của CTĐT)

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức						Kỹ năng							NL tự chủ và trách nhiệm			
	C1	C2	C ₃	C4	C5	C ₆	C7	C ₈	C ₉	C ₁₀	C ₁₁	C ₁₂	C ₁₃	C ₁₄	C ₁₅	C ₁₆	C ₁₇
MT1	x	x	x	x	x						x	x	x		x		x
MT2		x	x								x				x		x
MT3	x	x	x								x						
MT4								x	x								x
MT5		x			x		x			x						x	x
MT6						x					x	x					
MT7										x					x	x	x
MT8			x			x	x			x	x			x	x	x	x

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình cử nhân sư phạm Ngữ văn cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau. i) nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp). ii) nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp). iii) hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học). iv) hiểu rõ về các chính sách trong học tập.

6.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: thuyết trình, seminar, bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực tế, thực hành, E-learning, lớp học đảo ngược.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm /1 lần hướng điều chỉnh đáp ứng chương trình và SGK mới;
- Có nhiều hình thức hỗ trợ sv trong nhiệm vụ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm;
- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức trách nhiệm của người thầy.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

6.2.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

6.2.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1.	Chuyên cần	10%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5

2.	Bài tập nhóm	15%	- Thời gian tham gia họp nhóm		1
			- Thái độ tham gia		1
			- Ý kiến đóng góp		2
			- Thời gian giao nộp sản phẩm		1
			- Chất lượng sản phẩm giao nộp		5
3.	Bài kiểm tra định kì	25%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên		10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức giáo dục đại cương, 24 tín chỉ	Bắt buộc	22
		Tự chọn	2
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 72 tín chỉ		
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành, 10 tín chỉ	Bắt buộc	8
		Tự chọn	2
2.2.	Kiến thức ngành, 62 tín chỉ	Bắt buộc	52
		Tự chọn	10
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, 32 tín chỉ	Bắt buộc	28
		Tự chọn	4
4.	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, 7 tín chỉ	Khoá luận	7
		Các môn thay thế khoá luận	7
Tổng số			135

(giới thiệu từng khối kiến thức gồm bao nhiêu học phần, kể tên các học phần, mục tiêu của khối kiến thức để giúp sinh viên có được kiến thức, kỹ năng, năng lực gì)

* Khối kiến thức giáo dục đại cương, gồm 17 học phần (Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương; Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2; Tiếng Anh 3; Giáo dục thể chất 1; Giáo dục thể chất 2; Giáo dục thể chất 3; Giáo dục quốc phòng; Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành; Tiếng Việt thực hành; Tin học đại cương; Môi trường và phát triển; Lịch sử văn minh thế giới).

Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học có kiến thức vững chắc về về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tiếng Anh và giáo dục thể chất để người

học vận dụng được những kiến thức đó vào lập kế hoạch và tổ chức dạy học môn Ngữ văn và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

* Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành + kiến thức ngành), gồm 41 học phần (*Cơ sở văn hóa Việt Nam; Cơ sở ngôn ngữ học; Mỹ học và nguyên lý lý luận văn học; Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn; Thi pháp học; Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học; Thực tế văn học; Tác phẩm và thể loại văn học; Tiến trình văn học; Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt; Ngữ pháp tiếng Việt; Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt; Làm văn; Từ Hán Việt; Văn học dân gian Việt Nam; Tổng quan văn học Việt Nam trung đại; Tác gia văn học Việt Nam trung đại; Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại; Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại; Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1900 đến 1945; Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay; Văn học Trung Quốc; Văn học Nga; Văn học phương Tây; Văn học Ấn Độ - Nhật Bản; Vận dụng lý thuyết liên văn bản trong dạy học tác phẩm văn học; Dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông; Dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông; Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông; Dạy học tác phẩm văn học trung đại ở trường phổ thông; Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông; Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông; Văn học địa phương khu vực miền núi phía Bắc; Tiếp cận tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mỹ; Ngôn ngữ báo chí; Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng; Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian; Văn học Việt Nam trung đại trong ngữ cảnh văn hóa Đông Bắc Á; Văn học Việt Nam đương đại; Văn hóa và phát triển; Văn học Hậu hiện đại thế giới).*

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp người học có được kiến thức chuyên môn toàn diện ứng dụng vào dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông, người học cũng có thể phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

* Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, gồm 16 học phần (*Tâm lý học giáo dục; Giáo dục học; Giao tiếp sư phạm; Phát triển chương trình môn Ngữ văn; Lý luận dạy học Ngữ văn; Đánh giá trong dạy học Ngữ văn; Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực; Thực hành sư phạm 1; Thực hành sư phạm 2; Thực tập sư phạm 1; Thực tập sư phạm 2; Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn; Dạy học Lý luận văn học ở trường phổ thông; Nghiên cứu khoa học trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận ở trường phổ thông).*

Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp cho người học hiểu và vận dụng được các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học; người học có khả năng ứng dụng các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học Ngữ văn cho học sinh trong môi trường giáo dục phổ thông.

* Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, gồm 11 học phần: *Dạy học văn bản văn học ở trường phổ thông; Dạy học văn bản thông tin ở trường phổ thông; Dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong mối quan hệ với văn hóa; Giải mã văn học dân gian từ mã văn hóa; Thơ mới và dạy Thơ mới ở trường phổ thông; Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương; Tiếp cận văn học dân gian từ góc độ nghiên cứu liên ngành; Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại; Văn học và đời sống; Đề án viết sáng tạo).*

Khối kiến thức này giúp cho người học phân tích, vận dụng được các kiến thức toàn diện, phương pháp dạy học bộ môn, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục đa dạng.

2. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương			24
Các học phần bắt buộc			22
1	MLP151N	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	5
2	HCM121N	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	VCP131N	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
4	EDL121N	Pháp luật đại cương	2
5	ENG131N	Tiếng Anh 1	3
6	ENG132N	Tiếng Anh 2	3
7	ENG143N	Tiếng Anh 3	4
8	PHE111M	Giáo dục thể chất 1	
9	PHE112M	Giáo dục thể chất 2	
10	PHE113M	Giáo dục thể chất 3	
11	MIE131M	Giáo dục quốc phòng	
Các học phần tự chọn			2
12	GME121N	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	2
13	VIU121N	Tiếng Việt thực hành	2
14	GIF121N	Tin học đại cương	2
15	EDE121N	Môi trường và phát triển	2
16	HIC221N	Lịch sử văn minh thế giới	2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
17	GSO121N	Xã hội học đại cương	2
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			72
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			10
Các học phần bắt buộc			8
18	VCF121N	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
19	BLG221N	Cơ sở ngôn ngữ học	2
20	GAE221N	Mỹ học và nguyên lý lý luận văn học	2
21	SMP221N	Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn	2
Các học phần tự chọn			2
22	PRO221M	Thi pháp học	2
23	MVL221N	Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học	2
24	PPE221N	Thực tế văn học	2
2.2. Kiến thức ngành			62
Các học phần bắt buộc			52
25	LWG331N	Tác phẩm và thể loại văn học	3
26	LIP331N	Tiến trình văn học	3
27	VPV331N	Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt	3
28	VMG341N	Ngữ pháp tiếng Việt	4
29	PVS331N	Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt	3
30	WRI331M	Làm văn	3
31	SVV321M	Từ Hán Việt	2
32	VIF341N	Văn học dân gian Việt Nam	4
33	MVL331M	Tổng quan văn học Việt Nam trung đại	3
34	AML331M	Tác gia văn học Việt Nam trung đại	3
35	ITM321M	Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại	2
36	EVL331M	Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại	3
37	AVL331M	Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1900 đến 1945	3
38	AVL332M	Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay	3
39	CHL321M	Văn học Trung Quốc	2
40	RSL321N	Văn học Nga	2
41	WEL341M	Văn học phương Tây	4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
42	IJL321N	Văn học Ấn Độ - Nhật Bản	2
Các học phần tự chọn			10
Tự chọn 1			10
43	ITW321M	Vận dụng lý thuyết liên văn bản trong dạy học tác phẩm văn học	2
44	TVI321M	Dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông	2
45	TSV321M	Dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông	2
46	TFL321M	Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông	2
47	TML321M	Dạy học tác phẩm văn học trung đại ở trường phổ thông	2
48	TMS321M	Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông	2
49	TFL321M	Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	2
50	LNМ321M	Văn học địa phương khu vực miền núi phía Bắc	2
Tự chọn 2			10
51	WAC321M	Tiếp cận tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mỹ	2
52	MEL321M	Ngôn ngữ báo chí	2
53	LCP321M	Viết ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng	2
54	FCF321M	Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian	2
55	MLC321M	Văn học Việt Nam trung đại trong ngữ cảnh văn hóa Đông Bắc Á	2
56	CVL321M	Văn học Việt Nam đương đại	2
57	CAD321M	Văn hóa và phát triển	2
58	POL321M	Văn học Hậu hiện đại thế giới	2
3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			32
Các học phần bắt buộc			28
59	EPS331M	Tâm lý học giáo dục	3
60	PEP341M	Giáo dục học	4
61	COS321M	Giao tiếp sư phạm	2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
62	DPC421M	Phát triển chương trình môn Ngữ văn	2
63	TPT431M	Lý luận dạy học Ngữ văn	3
64	ETP421M	Đánh giá trong dạy học Ngữ văn	2
65	TPC431M	Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực	3
66	PEP421M	Thực hành sư phạm 1	2
67	PEP422M	Thực hành sư phạm 2	2
68	TRA421M	Thực tập sư phạm 1	2
69	TRA432M	Thực tập sư phạm 2	3
Các học phần tự chọn			4
70	ITP421M	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn	2
71	TLT421M	Dạy học Lý luận văn học ở trường phổ thông	2
72	SRT421M	Nghiên cứu khoa học trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	2
73	OCT421M	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông	2
74	APW421M	Tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận ở trường phổ thông	2
4. Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khoá luận			7
75	LIT971M	Khoá luận tốt nghiệp	7
Các môn thay thế khóa luận			7
Tự chọn 1 (chọn 7 TC: 1 môn Phương pháp + 1 môn Văn học + 1 môn Ngôn ngữ)			7
76	TTB931M	Dạy học văn bản văn học ở trường phổ thông	3
77	TEP931M	Dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn	3
78	TTC931M	Dạy học văn bản thông tin ở trường phổ thông	3
79	CEL921N	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong mối quan hệ với văn hóa	2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
80	IFC921M	Giải mã văn học dân gian từ mã văn hóa	2
81	TTS921M	Thơ mới và dạy Thơ mới ở trường phổ thông	2
Tự chọn 2 (chọn 3 môn cho đủ 07 TC)			7
82	ALW921M	Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương	2
83	FLI921M	Tiếp cận văn học dân gian từ góc độ nghiên cứu liên ngành	2
84	CML921M	Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại	2
85	LIL931M	Văn học và đời sống	3
86	PCW931M	Đề án viết sáng tạo	3
Tổng cộng			135

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học Năm thứ nhất

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	MLP151N	5	Tiếng Anh 1	ENG131N	3
Giáo dục thể chất 1	PHE111M		Giáo dục thể chất 2	PHE112M	
Tâm lý học giáo dục	EPS331M	3	Giáo dục học	PEP341M	4
Cơ sở văn hóa Việt Nam	VCF121N	2	Tác phẩm và thể loại văn học	LWG231N	3

Cơ sở ngôn ngữ học	BLG221N	2	Tổng quan văn học Việt Nam trung đại	MVL331M	3
Mỹ học và nguyên lý lý luận văn học	GAE221N	2	Thực hành sơ phạm 1	PEP425M	2
Văn học dân gian Việt Nam	VIF241N	4			
Tự chọn			Tự chọn		
			Tiếng Việt thực hành	VIU121N	2
			Tin học đại cương	GIF121N	2
			Môi trường và phát triển	EDE121N	2
			Lịch sử văn minh thế giới	HIC221N	2
			Xã hội học đại cương	GSO121N	2
			Văn hóa và phát triển	CAD321M	2
		18			19



Năm thứ hai

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Pháp luật đại cương	EDL121N	2	Tiếng Anh 3	ENG143N	4
Tiếng Anh 2	ENG132N	3	Giáo dục quốc phòng	MIE131M	
Giáo dục thể chất 3	PHE113M		Làm văn	WRI331M	3

Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn	SMP221N	2	Từ Hán Việt	SVV321M	2
Tiến trình văn học	LIP331M	3	Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại	ITM321M	2
Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt	VPV331N	3	Văn học Trung Quốc	CHL321M	2
Tác gia văn học Việt Nam trung đại	AML331M	3	Lý luận dạy học Ngữ văn	TPT431M	3
Văn học Ấn Độ - Nhật Bản	IJL321N	2			
Giao tiếp sư phạm	COS321M	2			
			Tự chọn		
			Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian	FCF321M	2
			Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học	MVL221N	2
		20			20



Năm thứ ba

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	VCP131N	3	Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt	PVS331N	3
Ngữ pháp tiếng Việt	VMG341N	4	Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1900 đến 1945	AVL331M	3
Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại	EVL331M	3	Văn học phương Tây	WEL341M	4
Văn học Nga	RSL321N	2	Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực	TPC421M	2
Đánh giá trong dạy học Ngữ văn	ETP421M	2			
Thực tập sư phạm 1	TRA421M	2			
Tự chọn			Tự chọn		
Thực tế văn học	PPE221N	2	Thi pháp học	PRO221M	2
Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông	TFL321M	2	Vận dụng lý thuyết liên văn bản trong dạy học tác phẩm văn học	ITW321M	2
Tiếp cận tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mỹ	WAC321M	2	Dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông	TSV321M	2
Ứng dụng công nghệ	ITP421M	2	Dạy học tác phẩm văn	TML321M	2

thông tin trong dạy học Ngữ văn			học trung đại ở trường phổ thông		
Dạy học Lý luận văn học ở trường phổ thông	TLT421M	2	Văn học địa phương khu vực miền núi phía Bắc	LN321M	2
			Văn học Việt Nam trung đại trong ngữ cảnh văn hóa Đông Bắc Á	MLC321M	2
		22			16



Năm thứ tư

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121N	2	Thực tập sư phạm 2	TRA432M	3
Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay	AVL332M	3	Khóa luận tốt nghiệp	LIT971M	7
Thực hành sư phạm 2	PEP426M	2			
Tự chọn			Tự chọn		
Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	GME121N	2	Dạy học văn bản văn học ở trường phổ thông	TTB931M	3
Dạy học Tiếng Việt ở	TVI321M	2	Dạy học chuyên đề tự	TEP931M	3

trường phổ thông			chọn môn Ngữ văn		
Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông	TMS321M	2	Dạy học văn bản thông tin ở trường phổ thông	TTC931M	3
Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	TFL321M	2	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong mối quan hệ với văn hóa	CEL921N	2
Ngôn ngữ báo chí	NEL321M	2	Giải mã văn học dân gian từ mã văn hóa	IFC921M	2
Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng	LCP321M	2	Thơ mới và dạy Thơ mới ở trường phổ thông	TTS921M	2
Văn học Việt Nam đương đại	CVL321M	2	Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương	ALW921M	2
Văn học Hậu hiện đại thế giới	POL321M	2	Tiếp cận văn học dân gian từ góc độ nghiên cứu liên ngành	FLI921M	2
Nghiên cứu khoa học trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	SRT421M	2	Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại	CML921M	2

Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông	OCT421M	2	Văn học và đời sống	LIL931M	3
Tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận ở trường phổ thông	APW421M	2	Đề án viết sáng tạo	PCW931M	3
		14			10

4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra
(0: Không đóng góp; 1: Đóng góp mức thấp; 2: Đóng góp mức trung bình; 3: Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																			
	KT chung		Kiến thức CM				Kỹ năng chung				Kỹ năng CM			NLTC và trách nhiệm						
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17			
Chung	2	3	1	3	3	2	1	1	2	1	3	3	2	2	2	3	3			
Chuyên nghiệp	2	3	2	1	2	1	2	1	2	2	3	2	1	1	2	3	3			
Chuyên ngành	3	2	3	2	2	2	3	2	3	1	3	1	2	2	3	3	3			
NVSP	2	2	3	2	3	2	3	3	3	2	3	1	2	2	3	3	3			
TT KLTN	3	1	3	1	2	2	1	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3			

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra
(0: Không đóng góp; 1: Đóng góp mức thấp; 2: Đóng góp mức trung bình; 3: Đóng góp mức cao)

Các học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																	
	Kiến thức						Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
MLP151N, Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	3	0	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0	2	2	0	2	
HCM121N, Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0	2	2	0	2	
VCP131N, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	3	2	0	2	
EDL121N, Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	2	0	0	1	0	0	0	3	1	0	1	
ENG131N, Tiếng Anh 1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	0	1	
ENG132N, Tiếng Anh 2	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	2	0	2	
ENG143N, Tiếng Anh 3	0	0	0	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	0	3	0	3	
GME121N, Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	2	2	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	3	0	0	1	
VIU121N, Tiếng Việt thực	1	1	0	0	0	0	2	0	0	1	0	0	0	0	2	2	2	

hành																	
GIF121N, Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	1	0	0	0	1	0	1
EDE121N, Môi trường và phát triển	0	0	0	0	0	0	2	1	1	2	0	0	0	1	3	0	2
HIC221N, Lịch sử văn minh thế giới																	
GSO121N, Xã hội học đại cương	2	1	0	0	0	0	1	0	0	2	1	0	0	1	2	0	2
VCF121N, Cơ sở văn hóa Việt Nam	1	1	3	3	1	2	3	2	2	2	3	2	3	1	3	2	2
BLG221N, Cơ sở ngôn ngữ học	1	1	3	3	3	2	2	1	1	2	3	2	2	1	2	1	3
GAE221N, Mỹ học và nguyên lý lý luận văn học	2	2	3	3	2	3	3	2	1	2	2	2	3	2	3	2	2
SMP221N, Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn	2	1	3	3	3	3	2	2	1	2	3	2	2	1	3	1	3
PRO221M, Thi pháp học	1	1	3	3	2	3	3	2	1	3	3	2	3	3	3	2	2
MVL221N, Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học	1	1	3	3	2	2	2	1	1	1	3	2	3	1	3	3	3
PPE221N, Thực	1	1	3	2	3	3	3	1	1	2	1	2	3	1	2	3	2

tế văn học																	
LWG331N, Tác phẩm và thể loại văn học	1	2	3	3	2	3	3	2	1	2	3	2	3	2	3	2	2
LIP331N, Tiến trình văn học	1	1	3	3	2	3	3	2	1	3	3	2	3	3	3	2	2
VPV331N, Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt	1	2	3	3	2	2	1	1	1	2	3	3	2	3	3	3	3
VMG341N, Ngữ pháp tiếng Việt	1	2	3	3	2	2	1	1	1	2	3	3	2	3	3	3	3
PVS331N, Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt	2	2	3	3	3	3	1	1	1	1	3	3	3	2	3	3	3
WRI331M, Làm văn	1	1	2	3	3	2	2	2	1	2	3	2	3	2	3	2	3
SVV321M, Từ Hán Việt	2	2	3	3	1	1	1	1	0	1	3	3	2	2	2	1	2
VIF341N, Văn học dân gian Việt Nam	1	1	2	3	3	2	2	1	1	1	3	2	3	2	2	2	2
MVL331M, Tổng quan văn học Việt Nam trung đại	0	0	3	3	2	2	2	1	0	2	3	2	2	2	3	1	1
AML331M, Tác gia văn học Việt Nam trung đại	1	1	3	3	3	1	2	1	0		3	3	3	3	1	1	3
ITM321M, Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung	1	1	3	3	2	2	2	2	1	1	3	2	3	1	3	2	2

đại																	
EVL331M, Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại	1	1	3	3	3	3	1	1	1	2	2	2	3	1	2	3	2
AVL331M, Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1900 đến 1945	1	1	3	3	3	1	2	1	1								
										1	3	2	3	1	1	3	2
AVL332M, Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay	1	1	3	3	3	3	2	2	2	2	3	2	2	1	3	2	3
CHL321M, Văn học Trung Quốc	1	1	3	3	2	2	2	1	1	1	3	2	3	1	3	3	3
RSL321N, Văn học Nga	1	1	3	3	2	2	2	1	1	1	3	2	3	1	3	3	3
WEL341M, Văn học phương Tây	1	1	3	3	2	2	2	1	1	1	3	2	3	1	3	3	3
IJL321N, Văn học Ấn Độ - Nhật Bản	0	1	3	3	2	2	2	1	1	1	3	2	3	1	3	3	3
ITW321M, Vận dụng lý thuyết liên văn bản trong dạy học tác phẩm văn học	1	1	3	3	2	3	3	2	1	3	3	2	3	3	3	2	2
TVI321M, Dạy học Tiếng Việt ở trường phổ	1	1	3	3	3	2	1	1	1	2	3	2	3	1	2	3	3

thông																	
TVS321M, Dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông	1	1	3	3	2	2	2	1	0	1	3	2	3	1	3	2	2
TFL321M, Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông	0	1	3	3	3	3	0	1	1	0	3	2	3	1	2	3	3
TML321M, Dạy học tác phẩm văn học trung đại ở trường phổ thông	0	2	3	3	3	2	2	1	0								
										1	3	2	3	1	1	3	3
TMS321M, Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông	1	1	3	3	3	3	2	2	0	2	3	2	2	1	3	2	3
TFL321M, Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	1	1	3	3	3	3	1	1	1	1	3	2	3	1	2	3	3
LN321M, Văn học địa phương khu vực miền núi phía Bắc	1	1	3	3	3	3	1	1	1	2	2	2	3	1	2	3	2
WAC321M, Tiếp cận tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mỹ	2	2	3	3	2	3	3	2	1	2	2	2	3	2	2	2	2

MEL321M, Ngôn ngữ báo chí	2	1	2	3	2	2	2	3	1	3	3	2	2	1	3	2	2
LCP321M, Việt ngữ học với nghịệp vụ văn thư văn phòng	2	0	1	1	1	1	3	3	2	3	2	0	1	1	3	1	2
FCF321M, Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian	1	1	2	3	1	2	2	1	1	3	3	2	3	1	3	2	2
MLC321M, Văn học Việt Nam trung đại trong ngữ cảnh văn hóa Đông Bắc Á	0	0	3	3	2	2	2	2	1	2	3	2	3	2	3	3	2
CVL321M, Văn học Việt Nam đương đại	1	1	3	3	3	3	2	1	0	2	3	2	2	1	3	2	2
CAD321M, Văn hóa và phát triển	1	1	0	0	0	0	2	1	1	1	0	0	0	1	3	3	3
POL321M, Văn học Hậu hiện đại thế giới	1	1	3	3	2	2	2	1	1	1	3	2	3	1	3	3	3
EPS331M, Tâm lý học giáo dục	0	3	0	0	0	0	3	0	0	1	0	0	0	2	3	0	2
PEP341M, Giáo dục học	0	3	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2	1	0	1
COS321M, Giao tiếp sư phạm	0	2	0	0	0	0	2	0	0	1	0	0	0	2	3	0	2
DPC421M, Phát triển chương trình môn Ngữ	1	1	3	3	3	3	3	1	1	2	2	3	3	1	2	3	3

văn																	
TPT431M, Lý luận dạy học Ngữ văn	2	3	3	3	3	2	0	1	0	1	0	3	2	2	2	1	2
ETP421M, Đánh giá trong dạy học Ngữ văn	1	1	3	3	3	3	1	1	1	1	3	2	3	1	2	3	3
TPC431M, Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực	2	3	3	3	3	3	3	1	0	3	2	3	3	2	2	2	2
PEP421M, Thực hành sư phạm 1	1	1	3	3	3	3	1	1	1	1	3	2	3	1	2	3	3
PEP422M, Thực hành sư phạm 2	1	1	3	3	3	3	3	1	1	2	2	3	3	1	2	3	3
ITP421M, Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn	1	1	3	3	3	2	1	3	1	2	2	3	3	2	2	1	2
TLT421M, Dạy học Lý luận văn học ở trường phổ thông	2	3	3	3	3	3	3	1	0	3	2	3	3	2	2	2	2
SRT421M, Nghiên cứu khoa học trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	2	3	3	3	3	2	2	1	2	1	2	3	2	2	2	1	1

OTC421M, Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông	1	1	3	3	3	3	1	1	1	1	3	2	3	1	2	3	3	
APW421M, Tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận ở trường phổ thông	2	3	3	3	3	3	3	1	0	3	2	3	3	2	2	2	2	
TTB931M, Dạy học văn bản văn học ở trường phổ thông	2	3	3	3	3	2	0	1	0	1	0	3	2	2	2	1	2	
TEP931M, Dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn	1	1	3	3	3	3	3	1	1	2	2	3	3	1	2	3	3	
TTC931M, Dạy học văn bản thông tin ở trường phổ thông	2	3	3	3	3	3	3	1	0	3	2	3	3	2	2	2	2	
CEL 921N, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong mối quan hệ với văn hóa	1	1	3	3	3	1	2	1	0		1	3	2	3	1	1	3	3
IFC921M, Giải mã văn học dân gian từ mã văn	0	2	3	3	2	2	0	0	0	2	2	1	2	1	3	2	2	

hóa																		
TTS921M, Thơ mới và dạy Thơ mới ở trường phổ thông	1	1	3	3	3	1	2	0	0		1	3	2	3	1	1	3	1
ALW921M, Ứng dụng một số lý thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương	1	1	3	3	3	2	1	1	1	2	3	2	3	1	2	3	3	
FLI921M, Tiếp cận văn học dân gian từ góc độ nghiên cứu liên ngành	1	1	3	3	2	1	1	1	1	2	3	2	2	1	3	2	2	
CML921M, Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại	1	1	3	3	3	1	2	2	1		1	3	2	3	1	1	3	3
LIL931M, Văn học và đời sống	1	1	3	3	3	3	1	1	1	1	3	2	3	1	2	3	3	
PCW931M, Đề án viết sáng tạo	1	1	3	3	3	1	2	1	3	1	3	2	3	1	1	3	3	

6. Mô tả tóm tắt các học phần

6.1. MLP151N, Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin (5 tín chỉ):

Đây là môn học cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng nhằm trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học. Từ đó sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những kiến thức của các môn khoa học.

Không kể chương mở đầu, môn học gồm có 3 phần với 9 chương. Phần thứ nhất: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin, gồm 3 chương. Phần thứ hai: Học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa: gồm 3 chương. Phần thứ ba: Lý luận của chủ nghĩa Mác -

Lênin về chủ nghĩa xã hội: gồm 3 chương. Nghiên cứu môn học này, sinh viên sẽ có những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin: Có sự hiểu biết sâu sắc về các nguyên lý, quy luật vận động, phát triển của thế giới; nắm vững được học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề cơ bản trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Môn học này có mối quan hệ trực tiếp với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn.

6.2. HCM121N, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ):

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, đối tượng nghiên cứu là hệ thống những quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh như: cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đồng thời, môn học cung cấp những chuyên đề cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh như: Tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.

Môn học này có mối quan hệ trực tiếp với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và các môn học thuộc khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội - nhân văn.

6.3. VCP131N, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam cơ bản nghiên cứu đường lối do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

Không kể chương mở đầu, môn học gồm 8 chương. Ở các chương 1,2,3 nghiên cứu về đường lối cách mạng của Đảng trong cách mạng dân chủ nhân dân (1930-1975); Ở các chương 4,5,6,7,8 nghiên cứu về đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới như: Đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị, đường lối xây dựng, phát triển nền văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại.

Nghiên cứu môn học này, sinh viên sẽ có những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu được quá trình hình thành, bổ sung, phát triển đường lối cách mạng của Đảng, đánh giá được kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới.

Môn học này có mối quan hệ trực tiếp với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Do đó, việc nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam góp phần làm sáng tỏ vai trò nền

tăng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

6.4. EDL121N, Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, đối tượng nghiên cứu là những vấn đề chung và cơ bản nhất của nhà nước và pháp luật nói chung và của Nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, các vấn đề pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật. Đồng thời môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự.

Môn học được thiết kế dành cho sinh viên các ngành đào tạo trong các trường thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên.

6.5. ENG131N, Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)

Môn học này rèn cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh bằng việc đưa họ vào các tình huống giao tiếp hàng ngày. Đó là tự giới thiệu, nói chuyện về bản thân, về sở thích, kể về kinh nghiệm bản thân, bày tỏ nhu cầu ý kiến. Qua những bài học này, người học có cơ hội học được văn hoá của những nước nói tiếng Anh.

Sau khi học xong chương trình tiếng Anh ở phổ thông, đây là chương trình dạy kế tiếp. Sinh viên sử dụng vốn từ, cấu trúc ngữ pháp mà các em đã lĩnh hội từ trước để phát triển khả năng ngôn ngữ và nâng cao kinh nghiệm học ngoại ngữ và kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng diễn đạt bằng ngôn ngữ.

6.6. ENG132N, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Học phần tiếng Anh 2 là học phần thứ hai sau tiếng Anh 1 có vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên, góp phần giúp các em bước đầu tiếp cận với trình độ tiếng Anh B1.

Khóa học nhằm cung cấp cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh bằng việc đưa họ vào các tình huống giao tiếp hàng ngày. Đó là nói về sở thích, công việc, cuộc sống học đường hoặc đưa ra chỉ dẫn. Qua những bài học này, người học có cơ hội học được văn hoá của những nước nói tiếng Anh.

Thông qua việc học trực tuyến trên phần mềm EMOD0, sinh viên hình thành được ý thức tự học, tự rèn luyện và tạo thói quen làm việc có kế hoạch.

6.7. ENG143N, Tiếng Anh 3 (4 tín chỉ)

Môn học này rèn cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh bằng việc đưa họ vào các tình huống giao tiếp hàng ngày. Đó là tự giới thiệu, nói chuyện về tính cách, gia đình, nhà cửa, bạn bè, việc làm, tài chính, giáo dục, thể thao, giải trí, đồ ăn, nhà hàng. Qua những bài học này, người học có cơ hội học được văn hoá của những nước nói tiếng Anh.

Sau khi học xong chương trình tiếng Anh I và Tiếng Anh II ở trường Đại học, đây là chương trình dạy kế tiếp. Sinh viên sử dụng vốn từ, cấu trúc ngữ pháp mà các em đã lĩnh hội từ trước để phát triển khả năng ngôn ngữ và nâng cao kinh nghiệm học ngoại ngữ và kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng diễn đạt bằng ngôn ngữ.

Qua những bài học tiếng Anh và học tập bằng đề án, người học sẽ nhận thức rõ vai trò của tiếng Anh trong các lĩnh vực của cuộc sống, trong thời kỳ hội nhập với các nước trong khu vực và toàn thế giới. Họ sẽ suy nghĩ và có chiến lược phấn đấu trong học hành để ngày mai có tương lai tươi sáng.

6.8. PHE111M, Giáo dục thể chất 1

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về bài Thể dục cơ bản, Đội hình đội ngũ, kỹ thuật nhảy xa, chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình. Đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài.

6.9. PHE112M, Giáo dục thể chất 2

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về môn Bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, aerobics. Đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, aerobics.

6.10. PHE113M, Giáo dục thể chất 3

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về môn Cờ vua, bóng ném, đá cầu, cầu lông và khiêu vũ thể thao. Đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài trong cờ vua, bóng ném, đá cầu, cầu lông và khiêu vũ thể thao.

6.11. MIE131M, Giáo dục quốc phòng

6.12. GME121N, Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành (2 tín chỉ)

Môn học Quản lý HCNN và quản lý ngành giáo dục-đào tạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục – Công tác xã hội. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước (các tính chất chủ yếu của nền hành chính nhà nước, nội dung, quy trình, công cụ, hình thức, phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức), quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục đào tạo) và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo; từ đó, sinh viên nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và nghĩa vụ của công dân đối với đất nước. Môn học có mối quan hệ mật thiết với môn Pháp luật đại cương, Giáo dục đại cương, Tổ chức và quản lý trường học.

6.13. VIU121N, Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)

Tiếng Việt thực hành là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, có mối quan hệ với hầu hết các môn học khác thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ. Môn học gồm 2 chương cung cấp những hiểu biết cơ bản về tiếng Việt, trên cơ sở đó tập trung rèn luyện cho người học hệ thống kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Chương 1 là các tri thức cơ bản về tiếng Việt và cách sửa lỗi về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu. Bên cạnh đó là hệ thống bài tập rèn kỹ năng sửa lỗi phát âm, chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu; xây dựng năng lực viết đúng chính tả, chọn từ, viết câu đúng và hay. Chương 2 gồm các tri thức về văn bản, đọc hiểu văn bản, cách viết một số loại văn bản thông dụng. Hệ thống bài tập của chương này hướng về nội dung đọc hiểu, tóm tắt, tổng thuật, viết và chữa lỗi văn bản khoa học, chính luận, hành chính.

6.14. GIF121N, Tin học đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung môn học bao gồm: Chương 1: Các bộ phận cấu thành và nhận biết các loại máy tính; xử lý sự cố căn bản; tổng quan về hệ điều hành, về hệ điều hành Windows, về mạng máy tính và mạng Internet; bảo mật thông tin. Chương 2: Các chức năng chung của hệ thống soạn thảo văn bản; một số quy ước khi soạn thảo văn bản; tiếng Việt trong soạn thảo văn bản; các thao tác làm việc với file văn bản trên MS WORD; định dạng văn bản trên MS WORD; chèn các đối tượng vào văn bản; tạo và làm việc với bảng trên MS WORD; các công cụ trợ giúp soạn thảo. Chương 3: Cấu trúc dữ liệu bảng tính; các thao tác cơ sở trên MS EXCEL; định dạng và xử lý dữ liệu; công thức và các hàm cơ bản trong MS EXCEL; tạo lập và hiệu chỉnh biểu đồ trong MS EXCEL; tổng hợp dữ liệu từ nhiều bảng; định dạng và in bảng tính. Chương 4: Tổng quan về MS PowerPoint; các thao tác với slide; chèn đối tượng vào slide; thiết lập hiệu ứng và tạo siêu liên kết.

6.15. EDE121N, Môi trường và phát triển (2 tín chỉ)

Nội dung môn học môi trường và phát triển gồm 5 chương với các nhóm kiến thức cơ bản về môi trường, dân số, nhu cầu và hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người, hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và các chính sách bảo vệ môi trường - phát triển bền vững. Các nội dung được đề cập ở mức độ bao quát trên thế giới và đi sâu phân tích ở phạm vi Việt Nam.

Ngoài ra môn học cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa con người và môi trường; các hậu quả của bùng nổ dân số; ảnh hưởng của sự phát triển dân số đến môi trường; ảnh hưởng của xã hội hiện đại đến môi trường tự nhiên; hiện trạng ô nhiễm môi trường tự nhiên; mối quan hệ dân số, phát triển kinh tế - xã hội và tài nguyên thiên nhiên.

Môn học liên quan đến các lĩnh vực tự nhiên và xã hội như địa lí, khoa học trái đất khí tượng học, kinh tế học, nhân khẩu học...

6.16. HIC221N, Lịch sử văn minh thế giới (2 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức về khái niệm văn hóa, văn minh; Sự hình thành, phát triển và suy tàn của các nền văn minh trong lịch sử; Các thành tựu văn minh tiêu

biểu. Các cuộc chiến tranh lớn, các cuộc cách mạng công nghiệp và các dòng chảy văn hóa.

6.17. GSO121N, Xã hội học đại cương (2 tín chỉ):

Học phần Xã hội học đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về xã hội học như đối tượng, phương pháp, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học; các khái niệm, phạm trù cơ bản của xã hội học. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các phương pháp nghiên cứu xã hội chuyên biệt để người học có thể vận dụng trong thực tiễn như: phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp metric xã hội, phương pháp điều tra xã hội học....

Học phần Xã hội học đại cương có liên hệ mật thiết với các môn khoa học khác như Triết học, Tâm lý học, Giáo dục học, Ngôn ngữ học....

6.18. VCF121N, Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa học, trang bị cho SV những tri thức cơ bản, quan trọng, mang tính chất đặc thù của văn hóa Việt Nam. Từ đó, góp phần làm cơ sở để nghiên cứu khoa học Ngữ văn và các môn khoa học liên ngành.

Môn học gồm có 4 chương, ngoài những kiến thức đại cương nhằm cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về văn hóa và văn hóa học nói chung, nội dung chủ yếu đi sâu vào hầu hết các vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam: định vị văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam; một số thành tố văn hóa cơ bản; các vùng văn hóa ở Việt Nam; văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.

6.19. BLG221N, Cơ sở ngôn ngữ học (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ sở về ngôn ngữ học, bao gồm: khái niệm ngôn ngữ và ngôn ngữ học, nguồn gốc, sự phát triển, bản chất, chức năng của ngôn ngữ; đồng thời, cung cấp một số kiến thức về từng bộ phận thuộc bình diện cấu trúc hoặc bình diện sử dụng của ngôn ngữ như: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Mặt khác, môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự phân loại các ngôn ngữ trên thế giới để bước đầu có một cái nhìn toàn cảnh về các ngôn ngữ. Thông qua môn học này, người học sẽ được trang bị cơ sở lý luận khoa học và kỹ năng cơ bản để nghiên cứu, giảng dạy các học phần ngôn ngữ nói chung, tiếng Việt nói riêng.

Ngoài ra, môn học còn hướng tới việc rèn luyện cho sinh viên một số thao tác, kỹ năng đơn giản như: phân tích để nhận rõ và phân biệt được hệ thống và cấu trúc của ngôn ngữ, nhận diện và miêu tả các đơn vị ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp để chuẩn bị cho việc học tập những học phần tiếng Việt thuộc khối kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành tiếp theo.

6.20. GAE 221N, Mỹ học và nguyên lý lý luận văn học (2 tín chỉ)

Là học phần cơ sở, môn học cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về Mỹ học (đặc trưng của mỹ học, chủ thể thẩm mỹ và các thành tố tạo thành chủ thể

thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ và các phạm trù cơ bản của khách thể thẩm mỹ: cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài...) và những Nguyên lý chung của lý luận văn học (đặc trưng của văn học, tính dân tộc, tính nhân dân, tính nhân loại của văn học, chức năng của văn học, nhà văn và sự sáng tạo văn học, sự tiếp nhận văn học...).

Môn học là kiến thức nền tảng để sinh viên tiếp nhận các học phần khác của lịch sử văn học, lý luận văn học và các học phần liên quan (Âm nhạc và nghệ thuật tạo hình với văn học, Cơ sở văn hóa...).

6.21. SMP221N, Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, có nhiệm vụ cung cấp, trau dồi phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học nói chung, trong đó có khoa học Ngữ văn, giúp người học biết cách triển khai các nghiên cứu khoa học như: viết bài báo khoa học, làm đề tài khoa học, viết luận văn tốt nghiệp...theo hai chuyên ngành ngôn ngữ và văn chương.

Môn học gồm 3 chương: *Những vấn đề chung về nghiên cứu khoa học; Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ; Phương pháp nghiên cứu văn học*. Chương 1 đề cập đến những vấn đề chung về khoa học, nghiên cứu khoa học, hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học và nội dung cơ bản của hoạt động nghiên cứu khoa học. Nội dung của chương 2 tập trung vào phương pháp nghiên cứu khoa học ngôn ngữ (gồm phương pháp miêu tả với 3 nhóm thủ pháp: các thủ pháp giải thích bên ngoài, các thủ pháp giải thích bên trong, các thủ pháp logic học, toán học, ngôn ngữ học tâm lý và phương pháp so sánh). Chương ba tập trung làm rõ những vấn đề cơ bản của phương pháp nghiên cứu văn học (xác định phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu văn học, một số yêu cầu của phương pháp nghiên cứu văn học; giới thiệu một số phương pháp nghiên cứu văn học như phương pháp thực chứng, phương pháp hình thức, phương pháp ký hiệu học, phương pháp tâm lý học, phương pháp xã hội học, phương pháp tiểu sử, phương pháp so sánh, phương pháp loại hình...)

6.22. PRO223M, Thi pháp học

Cùng với các học phần: Tác phẩm và thể loại văn học; Tiến trình văn học, học phần *Thi pháp học* tiếp tục cung cấp những tri thức lý luận về thi pháp học như: khái niệm, lịch sử và các phạm trù của thi pháp học trong nghiên cứu, giảng dạy văn học.

Môn học được chia làm 6 chương gồm: Chương 1: Thi pháp và thi pháp học; Chương 2: Đối tượng, phạm trù của thi pháp học; Chương 3: Quan niệm nghệ thuật về con người; Chương 4: Thời gian và không gian nghệ thuật; Chương 5: Tác giả và kiểu tác giả; Chương 6: Nghệ thuật ngôn từ. Ngoài việc cung cấp các tri thức lý luận, ở mỗi chương cũng đề xuất những yêu cầu vận dụng thi pháp học một cách cụ thể trong việc đọc hiểu, nghiên cứu một tác phẩm văn học.

6.23. Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học (2 tín chỉ)

Phần nội dung: Nghệ thuật Âm nhạc với Văn học

- Nhận thức biết, hiểu được nghệ thuật Âm nhạc.
- Khái niệm về âm thanh Âm nhạc.

- Hiểu được tác dụng của Âm nhạc và giá trị nghệ thuật của loại hình nghệ thuật này.
- Các thuộc tính và từng thuộc tính của Âm nhạc, sự liên quan mật thiết với Văn học.
- Diễn giải các khái niệm về nhịp, tiết nhịp, tiết tấu. Mối quan hệ và sự liên quan tương tác giữa các khái niệm đó với ngôn ngữ văn học.
- Sinh viên hiểu được và tư duy Nhạc tính trong văn; Nhạc tính trong Thơ qua các ví dụ chứng minh, phác họa cụ thể.
- Kỹ năng thực hành một số tác phẩm thơ phổ nhạc (đọc thơ, hát theo đúng yêu cầu)

Phần nội dung: Nghệ thuật Tạo hình với Văn học

Biết và hiểu về nghệ thuật Tạo hình với các cơ sở tạo hình, đặc điểm, tiếng nói của ngôn ngữ tạo hình: đường nét, hình, mảng, khối, màu sắc, đậm nhạt, sáng tối, bố cục...

- Hiểu biết khái niệm tính tạo hình trong Mĩ thuật, qua đó hiểu biết và phân tích được tính Tạo hình trong Văn học
- Qua thực hành vẽ tranh để người học có được sự hiểu biết hơn về nghệ thuật tạo hình, được trải nghiệm qua quá trình sáng tạo nghệ thuật hội họa.

6.24. PPE221N, Thực tế văn học (2 tín chỉ)

Môn học “Thực tế văn học” là học phần tự chọn. Môn học mang tính đặc thù, nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng thực tế văn học, tìm hiểu các giá trị văn hoá, văn học qua thực tế trải nghiệm. Đây là một trong những môn học giúp sinh viên có những trải nghiệm thực tế nên nó có vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Ngữ Văn.

Môn học gồm 2 phần. Phần một đề cập đến những vấn đề lý thuyết về thực tế văn học. Phần 2 là thực hành thực tế văn học. Từ đây giúp người học có những kiến thức về văn học Việt Nam thông qua trải nghiệm thực tế nhằm phục vụ cho việc giảng dạy văn học và hướng dẫn học sinh phổ thông tham gia thực tế văn học.

6.25. LWG231, Tác phẩm và thể loại văn học (3 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên những tri thức lý luận văn học về tác phẩm văn học như: khái niệm tác phẩm văn học, đề tài, chủ đề, tư tưởng tác phẩm văn học, nhân vật văn học, kết cấu tác phẩm văn học; Các vấn đề về thể loại văn học như: Nguyên tắc phân loại tác phẩm văn học, loại tác phẩm tự sự, loại tác phẩm trữ tình, loại tác phẩm kịch... Đây là hệ thống lý thuyết làm cơ sở cho việc tìm hiểu và lý giải những vấn đề của văn học Việt Nam và văn học thế giới. Những tri thức do môn học đem lại cũng sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng cho công tác nghiên cứu khoa học ngành ngữ văn và việc giảng dạy sau này ở trường phổ thông.

6.26. LIP233N, Tiến trình văn học (3 tín chỉ)

Tiến trình văn học là một môn học cơ sở. Học phần này tìm hiểu về các trào lưu văn học trên thế giới như: Chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa hiện thực phê phán... Thông qua cơ sở xã hội, cơ sở triết học, môn học này sẽ làm rõ những nguyên tắc sáng tạo của các trào lưu. Tiến trình văn học còn khảo sát sự ảnh hưởng của các nguyên tắc sáng tạo đó tới văn học Việt Nam. Qua đó, người học sẽ

thấy được sự giao lưu, ảnh hưởng của các nền văn học trên thế giới. Đồng thời, nó cũng chỉ ra quy luật vận động của lịch sử văn học hướng tới sự hoàn thiện về tư duy nghệ thuật.

Môn học này chỉ ra những mặt tích cực và tiêu cực của các giai đoạn văn học để đánh giá vai trò và vị trí của các hiện tượng văn học.

6.27. VPV232N, Ngữ âm - Từ vựng tiếng Việt (3 tín chỉ)

Môn Ngữ âm - Từ vựng tiếng Việt nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, thuộc học phần bắt buộc, giới thiệu kiến thức chuyên sâu về Ngữ âm tiếng Việt và Từ vựng tiếng Việt.

Phần Ngữ âm có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên, học viên Ngữ văn hệ thống kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Việt; kỹ năng nhận diện, sử dụng các đơn vị âm và một số vấn đề về ngữ âm học trong nhà trường PT. Phần này có cấu trúc gồm 3 chương: *Âm tiết tiếng Việt, Hệ thống âm vị tiếng Việt, Một số vấn đề liên quan đến ngữ âm học trong nhà trường*

Phần Từ vựng có nhiệm vụ trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về từ vựng tiếng Việt; kỹ năng nhận diện, sử dụng các đơn vị từ vựng; và một số gợi ý về phương pháp dạy học ngữ âm ở trường PT. Phần này có cấu trúc gồm 4 chương: *Đơn vị từ vựng, Nghĩa của từ, Hệ thống từ vựng có quan hệ về nghĩa, Hệ thống từ vựng không có quan hệ về nghĩa.*

Thông qua những kiến thức được cung cấp trong nội dung môn học mà người học có thể nắm được hệ thống các đơn vị ngữ âm, hệ thống từ vựng tiếng Việt, từ đó có khả năng lựa chọn, sử dụng chính xác các đơn vị đó trong giao tiếp, giảm tối đa cách diễn đạt không phù hợp.

6.28. VMG243N, Ngữ pháp tiếng Việt (4 tín chỉ)

Ngữ pháp tiếng Việt nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên, học viên Ngữ văn hệ thống kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt; kỹ năng nhận diện, sử dụng các đơn vị ngữ pháp.

Môn học có cấu trúc gồm 5 chương: *Một số vấn đề chung về ngữ pháp tiếng Việt, Từ loại, Cụm từ, Câu, Văn bản.*

Nhờ tập hợp các quy tắc sử dụng tiếng Việt được đề cập trong môn học mà người học có thể nắm được cấu trúc của tiếng Việt, có khả năng sử dụng chính xác các đơn vị tiếng Việt trong giao tiếp, giảm tối đa cách diễn đạt không phù hợp.

6.29. PVS235N, Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt (3 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, thuộc học phần bắt buộc. Môn học có nhiệm vụ trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về Ngữ dụng- Phong cách học tiếng Việt; kỹ năng nhận diện, sử dụng các đơn vị ngôn ngữ; giá trị của các nguồn phương tiện tu từ, biện pháp tu từ dồi dào của ngôn ngữ và một số gợi ý về phương pháp dạy học những vấn đề về Ngữ dụng - Phong cách học tiếng Việt ở trường phổ thông. Đồng thời người học có thể vận dụng các tri thức kỹ năng có được từ môn học để làm các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, bồi dưỡng năng lực tự học, năng lực hợp tác.

Môn học có cấu trúc gồm 2 phần: Ngữ dụng học và Phong cách học tiếng Việt
Phần ngữ dụng học có cấu trúc gồm 6 chương: *Ngữ dụng học và một số khái niệm nền tảng của ngữ dụng học; Chiếu vật và chỉ xuất; Lí thuyết hành động ngôn ngữ; Lí thuyết hội thoại; Lí thuyết lập luận; Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn*
Phần Phong cách học tiếng Việt có cấu trúc gồm 3 chương: *Khái quát về phong cách học; Các phong cách chức năng tiếng Việt; Biện pháp tu từ tiếng Việt.*

Thông qua những kiến thức được cung cấp trong nội dung môn học, người học sẽ nắm được khả năng và tiềm năng diễn đạt của tiếng Việt đồng thời người học sẽ được rèn luyện một số kỹ năng vận dụng những tri thức ngữ dụng – phong cách học vào việc dạy, học ngữ văn và nghiên cứu tác phẩm văn chương.

6.30. WRI331M, Làm văn (3 tín chỉ)

Kỹ năng viết các kiểu bài văn ở trường phổ thông nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Đây là môn học có tính chất thực hành tổng hợp, tích hợp kiến thức của Văn học và Tiếng Việt. Môn học trang bị cho người học kiến thức về các kiểu loại văn bản, nâng cao năng lực giao tiếp trong các hoạt động nghe, nói, đọc, viết. Bên cạnh đó, môn học đưa ra một số gợi ý về phương pháp dạy học môn Làm văn ở trường PT.

Môn học có cấu trúc gồm 2 chương:

Chương 1: Khái quát về văn bản và làm văn

Chương 2: Các kiểu bài văn trong Nhà trường phổ thông

Nhờ tập hợp các dạng văn bản thông dụng được học trong chương trình THCS và THPT mà người học có thể nắm được các bước làm một bài văn và rèn luyện kỹ năng làm văn; thực hành chữa lỗi trên văn bản cụ thể. Đồng thời người học có thể vận dụng các tri thức kỹ năng có được từ môn học để làm báo cáo kết quả nghiên cứu, nắm bắt các tri thức phục vụ giảng dạy các bài Làm văn ở trường PT.

6.31. SVV321M, Từ Hán Việt (2 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Việt - Hán; sự hình thành và vai trò của lớp từ Hán Việt trong tiếng Việt; các loại từ mượn Hán khác nhau trong tiếng Việt...

Học phần trang bị kiến thức liên quan đến từ Hán Việt về các mặt nguồn gốc của từ, nghĩa của từ, sắc thái tu từ, sự biến động về nghĩa, phạm vi sử dụng... giúp sinh viên tăng cường sự hiểu biết về những từ gốc Hán trong tiếng Việt, từ đó nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ (nói và viết).

Học phần giúp sinh viên nhận thức được ý nghĩa của từ Hán Việt trong việc bảo vệ và phát triển ngôn ngữ tiếng Việt

6.32. VIF241N, Văn học dân gian Việt Nam (4 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, là những kiến thức cơ bản về văn học dân gian Việt Nam. Môn học gồm 7 chương, cung cấp tri thức khái quát về khoa học văn học dân gian (VHDG): các khái niệm, các đặc trưng cơ bản của

VHDG; mối quan hệ giữa VHDG với văn nghệ dân gian, văn hóa dân gian, mối quan hệ giữa VHDG với văn học viết; hệ thống thể loại VHDG. Môn học còn đi sâu tìm hiểu tiến trình lịch sử VHDG Việt Nam; những kiến thức hệ thống về các thể loại cụ thể của các loại hình VHDG và VHDG các dân tộc thiểu số. Tìm hiểu môn học này, người học sẽ có cơ sở lí luận khoa học và kỹ năng cơ bản để nghiên cứu, giảng dạy các tác phẩm dân gian theo đặc trưng và thi pháp thể loại.

6.33.MVL331M, Tổng quan văn học Việt Nam trung đại (3 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị một phần kiến thức cơ bản không thể thiếu đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp họ có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần Văn học Việt Nam trung đại ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Môn học gồm 3 chương. Chương 1 trình bày một số khái niệm, thuật ngữ cơ bản nhất liên quan đến văn học Việt Nam trung đại, tiến trình phát triển, đặc điểm và thành tựu chủ yếu của mỗi giai đoạn phát triển văn học Việt Nam trung đại. Chương 2 trình bày các vấn đề về đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn học Việt Nam trung đại. Chương 3 trang bị tri thức về hệ thống thể loại của văn học Việt Nam trung đại và đặc trưng thi pháp của từng thể loại.... Thông qua hệ thống kiến thức này, môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về văn học Việt Nam trung đại và bước đầu biết tiếp cận, học thuộc, đọc diễn cảm tác phẩm và soạn giảng một phần của một số tác phẩm văn học Việt Nam trung đại ở trường phổ thông.

6.34. AML332M, Tác gia văn học Việt Nam trung đại(3 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị một phần kiến thức cơ bản không thể thiếu đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp người học có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần văn học Việt Nam trung đại ở trường Phổ thông.

Môn học này gồm 7 chương trang bị cho sinh viên những kiến thức về những tác gia tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam như: Nguyễn Trãi, Nguyễn Dữ, Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến. Những tác phẩm văn chương của họ đã góp phần quan trọng tạo nên thành tựu của văn học trung đại, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của nền văn học nước nhà trên hành trình dài của sự tiếp nhận và sáng tạo không ngừng.

6.35.ITM323M, Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại (3 tín chỉ)

Học phần *Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại* cung cấp kiến thức về một số văn bản thơ văn trung đại Việt Nam, giúp sinh viên ngành Ngữ văn cảm nhận được một cách đầy đủ và thấu đáo cái hay cái đẹp của những tác phẩm đó. Các đơn vị văn bản được tuyển chọn phần lớn có mặt trong chương trình môn Ngữ văn bậc phổ thông. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ sở, nòng cốt để từ đó tiếp nhận, xử lí tốt nhất phần dạy học các tác phẩm văn học trung đại trong chương trình.

Để học học phần này, sinh viên cần phải vận dụng một trình độ tri thức và kỹ năng tổng hợp về các lĩnh vực như ngữ văn học cổ điển, lịch sử, triết học... Học phần này cùng với các học phần khác như *Tổng quan văn học Việt Nam trung đại* và *Tác gia văn học Việt Nam trung đại* góp phần hình thành năng lực dạy học tác phẩm văn học Việt Nam trung đại cho sinh viên.

6.36. EVL331M, Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại (3 tín chỉ)

Môn *Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại* nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, là học phần bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khái quát về tiến trình vận động và phát triển của văn học Việt Nam hiện đại từ đầu thế kỷ XX đến nay (gồm các chặng đường vận động, những đặc điểm cơ bản, thành tựu và hạn chế); Sự vận động của một số thể loại tiêu biểu. Trên nền tảng kiến thức được trang bị, người học có thể giảng dạy tốt các bài khái quát văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông và có kiến thức nền tảng, hệ thống để tiếp cận các học phần tiếp theo của phân môn Văn học Việt Nam hiện đại.

Môn học có 3 chương, bao gồm: Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945; Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975; Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn từ 1975 đến nay.

6.37. AVL332M, Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn 1900-1945 (3 tín chỉ)

Môn học *Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn 1900 - 1945* nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, là học phần bắt buộc. Môn học gồm 7 chương, cung cấp những kiến thức cơ bản về các tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại ở giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945, như: Phan Bội Châu, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Xuân Diệu, Thạch Lam, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao. Ở mỗi tác giả, các vấn đề cơ bản về cuộc đời, con người, sự nghiệp sáng tác, quan niệm nghệ thuật và phong cách nghệ thuật được chú ý tìm hiểu. Từ đó giúp người học tích lũy được kiến thức và kỹ năng cơ bản để giảng dạy tốt phần Văn học Việt Nam hiện đại thuộc môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

6.38. AVL333M, Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay (3 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị một phần kiến thức cơ bản không thể thiếu đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần Văn học Việt Nam hiện đại sau 1945 ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Môn học gồm 9 chương cung cấp các tri thức chuyên sâu về các tác giả tiêu biểu của văn học giai đoạn sau 1945 và định hướng dạy học các tác phẩm tiêu biểu của họ được chọn giảng ở nhà trường phổ thông.

6.39. CHL321M, Văn học Trung Quốc (2 tín chỉ)

Môn học gồm có 7 chương, cung cấp cho người học một cái nhìn tương đối hệ thống, sâu rộng diện mạo văn học Trung Quốc từ những vấn đề chung (đất nước, con người; những thành tựu văn hóa tiêu biểu, tiến trình văn học...) đến những vấn đề cụ thể (các hiện tượng, tác gia, tác phẩm); Hướng dẫn người học nghiên cứu sâu một số

hiện tượng đỉnh cao và các tác giả tiêu biểu như: Lí Bạch, Đỗ Phủ, La Quán Trung, Lỗ Tấn, Cao Hành Kiện, Mạc Ngôn; Định hướng kiến thức cần đạt và phương pháp giảng dạy một số tác phẩm, đoạn trích tác phẩm văn học Trung Quốc được giảng dạy trong nhà trường Việt Nam.

6.40. RSL222N, Văn học Nga (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho người học kiến thức cơ bản về văn học Nga thế kỉ XIX và XX, phần kiến thức bắt buộc phải có đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp người học có nền tảng kiến thức cần thiết để học tốt phần văn học Việt Nam, giảng dạy tốt phần Văn học Nga nói riêng, văn học nước ngoài nói chung ở trường học Việt Nam.

Môn học gồm 6 chương, cung cấp cho người học một cái nhìn tương đối hệ thống, sâu rộng diện mạo văn học Nga từ những vấn đề khái quát chung đến những tác giả, tác phẩm cụ thể; Hướng dẫn người học nghiên cứu sâu một số tác phẩm tiêu biểu của các tác giả: A.Pushkin, L.Tolstoy, A.P.Chekhov, M.Gorky. M. Sholokhov; Định hướng dạy học đọc hiểu một số tác phẩm, đoạn trích tác phẩm văn học Nga được giảng dạy trong nhà trường Việt Nam.

6.41. WEL343M, Văn học phương Tây (4 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho người học kiến thức cơ bản về văn học các nước Âu - Mỹ, phần kiến thức bắt buộc phải có đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp người học có kiến thức cần thiết để học tốt phần văn học Việt Nam, giảng dạy tốt phần Văn học phương Tây nói riêng, văn học nước ngoài nói chung ở trường học Việt Nam.

Môn học gồm có 7 chương, cung cấp cho người học một cái nhìn tương đối hệ thống, sâu rộng diện mạo văn học các nước phương Tây từ những vấn đề chung (thời đại, tư tưởng xã hội, thành tựu văn học) đến những vấn đề cụ thể (các trào lưu, hiện tượng, tác gia, tác phẩm); Hướng dẫn người học nghiên cứu sâu một số đỉnh cao văn học: Văn học cổ (Sử thi Hy Lạp), Văn học Phục hưng (F. Rabelais, M. Cervantes, W. Shakespeare), Văn học cổ điển (Molière), Văn học Ánh sáng (D. Defoe), Văn học hiện thực và lãng mạn thế kỷ XIX (V. Hugo, H. Balzac), Văn học thế kỷ XX (O. Henry, F. Kafka, E. Hemingway, S. Beckett); Định hướng kiến thức cần đạt và phương pháp giảng dạy một số tác phẩm, đoạn trích tác phẩm văn học phương Tây được giảng dạy trong nhà trường Việt Nam.

6.42. IJL224N, Văn học Ấn Độ- Nhật Bản (2 tín chỉ)

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa và văn học Ấn Độ và Nhật Bản. Môn học gồm 2 chương, đề cập tới các vấn đề chung như các yếu tố chi phối tới sự hình thành và phát triển của văn học Ấn Độ, Nhật Bản; đặc điểm của văn học Ấn Độ, Nhật Bản; đặc trưng thể loại như sử thi Ấn Độ, thơ haiku Nhật Bản; các giai đoạn phát triển của văn học Ấn Độ, Nhật Bản. Đồng thời, môn học cũng đề cập tới những thành tựu tiêu biểu, cụ thể của hai nền văn học: sử thi *Mahabharata*, thơ Tagore, thơ haiku

của Matsuo Basho, tiểu thuyết và truyện ngắn hậu hiện đại của Murakami. Môn học trang bị cho sinh viên những hướng tiếp cận phù hợp đối với các tác phẩm văn học Ấn Độ và Nhật Bản nói riêng và các tác phẩm văn học nước ngoài nói chung được giảng dạy trong trường phổ thông Việt Nam.

6.43. ITW327M, Vận dụng lý thuyết liên văn bản trong dạy học tác phẩm văn học (2 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên tìm hiểu cơ sở lịch sử và lý thuyết của liên văn bản. Hướng vận dụng này không chỉ giúp người học có sự đổi mới trong việc nghiên cứu mà còn tích hợp kiến thức cao hơn trong thiết kế bài giảng. Môn học gồm hai chương: Chương 1: Khái quát về lý thuyết liên văn bản; Chương 2: Vận dụng liên văn bản vào các thao tác liên tưởng trong tiếp cận tác phẩm văn học

6.44. TVI327M, Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Môn Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, thuộc học phần tự chọn theo định hướng giáo dục nghề nghiệp, cung cấp những kiến thức tổng quan về vị trí, mục tiêu, quan điểm xây dựng và cấu trúc chương trình của phân môn Tiếng Việt được giảng dạy trong chương trình phổ thông (bậc THCS và bậc THPT).

Môn học có nhiệm vụ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và mở rộng về các chủ đề của phân môn Tiếng Việt được giảng dạy trong chương trình trường phổ thông như: chủ đề về nguồn gốc, sự phát triển lịch sử và đặc điểm loại hình của tiếng Việt; chủ đề về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các vấn đề liên quan đến từ ngữ, ngữ pháp, ngữ dụng và phong cách được giảng dạy ở trường phổ thông.

Trên cơ sở đó, môn học có chức năng gợi dẫn, giúp người học có những định hướng về phương pháp, hình thức tổ chức dạy – học ở từng nội dung đơn vị kiến thức cụ thể.

6.45. TSV328M, Dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Môn học trình bày ngắn gọn những điều cần thiết giúp sinh viên tìm hiểu cơ sở lịch sử và lý thuyết của quá trình du nhập, sự hình thành và vai trò của lớp từ Hán Việt trong tiếng Việt. Môn học cũng cung cấp sự nhận thức từ Hán Việt về các mặt từ nguyên, nghĩa của từ, sắc thái tu từ, những biến động về nghĩa, phạm vi sử dụng...

Sau khi điếm qua một số cách thức, biện pháp chủ yếu liên quan đến việc dạy học từ Hán Việt đã được đề xuất từ trước đến nay, môn học sẽ tập trung giới thiệu một số biện pháp nhằm giúp học sinh hiểu được ý nghĩa, ghi nhớ và sử dụng chuẩn xác vốn từ Hán Việt cần thiết trong tiếp nhận văn bản văn học ở nhà trường và trong các hoạt động giao tiếp khác

Cùng với môn học *Từ Hán Việt*, môn học này góp phần trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng từ Hán Việt và vận dụng kiến thức vào giảng dạy từ Hán Việt ở trường phổ thông.

6.46. TFL322M, Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, phần tự chọn, học phần trang bị cho người học có nền tảng kiến thức văn học dân gian, những hiểu biết cần thiết về chương trình văn học dân gian trong trường phổ thông để giảng dạy tốt phần văn học dân gian ở trường phổ thông.

Học phần được thể hiện ở 3 chương. Chương 1: Văn học dân gian ở trường phổ thông, phần này trình bày vị trí, vai trò và cấu trúc phần văn học dân gian trong chương trình văn học ở trường phổ thông; Chương 2: Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông, với các nội dung nguyên tắc dạy học văn học dân gian, vận dụng các phương pháp dạy học Ngữ văn để dạy văn học dân gian, vận dụng các phương pháp nghiên cứu để dạy học văn học dân gian. Chương 3, trên cơ sở lý thuyết dạy học từ đó có những định hướng dạy học đọc – hiểu tác phẩm văn học dân gian theo đặc trưng thể loại, xây dựng mô hình dạy học văn học dân gian trong trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực người học. Xây dựng nhóm học tập: nhóm viết, nhóm diễn, nhóm hội thảo.

6.47. TML324M, Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam trung đại ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức tự chọn 1, trau rèn nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp họ có nền tảng kiến thức và kỹ năng cần thiết để giảng dạy tốt hơn phần Văn học Việt Nam trung đại ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Môn học gồm 03 chương: Chương 1 trang bị cho sinh viên ngành Ngữ văn những tri thức cơ bản và khái quát về chương trình Ngữ văn phổ thông; giúp người học nắm được vị trí và vai trò của các tác phẩm văn học Việt Nam trung đại trong chương trình. Chương 2 đi sâu phân tích một số thuận lợi, khó khăn khi dạy học các tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại ở trường PT; Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp. Chương 3 tập trung vào việc thực hành tổ chức dạy học một số tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại ở trường PT bằng các hình thức như Tổ chức soạn – giảng mẫu, tổ chức semina, tổ chức nghiên cứu khoa học hay tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

6.48. TMS324M, Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là một trong những học phần lựa chọn giúp sinh viên ứng dụng các tri thức đã học về đặc trưng cơ bản của các thể loại văn học (đặc biệt là những thể loại được giảng dạy trong chương trình phổ thông như: thơ, truyện, kịch, kí) để học tập, nghiên cứu, thực hành giảng dạy các tác phẩm văn học trong chương trình phổ thông. Sinh viên được thực hành để nắm vững tác phẩm và có phương pháp giảng dạy phù hợp, biết vận dụng để phân tích, giảng dạy các tác phẩm văn học có cùng đặc trưng thể loại.

Với mục tiêu định hướng tiếp cận tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại trong chương trình phổ thông, môn học giúp sinh viên vận dụng kiến thức của các học phần liên quan (lý luận văn học, lịch sử văn học, mỹ học...) để tiếp nhận các tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại sâu sắc hơn, rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm và bồi dưỡng năng lực giảng dạy cho sinh viên.

6.49. TFL325M, Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Môn học *Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông* nằm trong khối kiến thức chuyên sâu, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản để phát triển chương trình và dạy học văn học nước ngoài ở các trường phổ thông Việt Nam.

Môn học gồm hai chương. Chương 1: Trình bày những nội dung: Khái niệm và đặc trưng của văn học nước ngoài (văn học dịch); vai trò của dạy học văn học nước ngoài trong việc hình thành năng lực cho học sinh trung học phổ thông; nội dung của văn học nước ngoài trong chương trình hiện hành và cách phát triển chương trình phần Văn học nước ngoài phù hợp mục tiêu dạy học theo hướng phát triển năng lực người học.

Chương 2: Trình bày hiện trạng dạy học văn học nước ngoài hiện nay ở trường phổ thông; định hướng cách tiếp cận tác phẩm văn học nước ngoài từ ba góc độ: văn hóa, ngôn ngữ văn bản dịch và đặc trưng một số thể loại đặc biệt thơ Đường, thơ haiku, thơ văn xuôi...; cách dạy một tác phẩm văn học nước ngoài theo hướng tích hợp văn hóa, văn học, ngoại ngữ và bài giảng mẫu.

6.50. LNM325M, Văn học địa phương khu vực miền núi phía Bắc (2 tín chỉ)

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là một trong những học phần lựa chọn nhằm trang bị cho người học những tri thức cơ bản, chuyên sâu về văn học địa phương ở các tỉnh miền núi phía Bắc thời kì hiện đại; giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần văn học địa phương ở trường phổ thông.

Môn học gồm 2 chương, giới thiệu những vấn đề cơ bản về văn học địa phương như: khái niệm, đặc điểm về tự nhiên, xã hội và văn hoá, lịch sử; các chặng đường vận động và phát triển; một số đặc điểm cơ bản; thành tựu và hạn chế). Đồng thời cung cấp những kiến thức cơ bản về văn học địa phương thời kì hiện đại ở một số tỉnh tiêu biểu như Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Hoà Bình bao gồm: khái quát chung, diện mạo và tiến trình phát triển; đặc điểm tiêu biểu; một số tác giả tác phẩm tiêu biểu ở các thể loại; giúp người học tiếp cận một số tác phẩm văn học địa phương được chọn giảng ở nhà trường phổ thông.

6.51. Tiếp cận tác phẩm văn học từ phạm trù thẩm mỹ

Môn học cung cấp những tri thức lý luận về biểu hiện cơ bản của các phạm trù thẩm mỹ trong văn học và định hướng cho sinh viên cách tiếp cận tác phẩm văn học từ những phạm trù thẩm mỹ đó.

Học phần gồm có 2 chương: chương 1 tập trung khái quát về đời sống thẩm mỹ của văn học trên cả hai phương diện khách quan và chủ quan. Đồng thời, chỉ ra các

đặc điểm biểu hiện và bản chất thẩm mỹ của các phạm trù thẩm mỹ cơ bản như: cái Đẹp, cái Cao cả, cái Bi, cái Hải... Chương 2 là những định hướng tiếp cận một tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mỹ; định hướng cách thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục thẩm mỹ ở các phương diện: cảm thụ, đánh giá và sáng tạo khi tiếp cận một tác phẩm văn học cụ thể.

6.52. NEL328M, Ngôn ngữ báo chí (2 tín chỉ)

Ngôn ngữ báo chí là môn học tự chọn dành cho sinh viên ngành ngữ văn.

Môn học gồm 3 chương: Những vấn đề chung, Đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của các loại hình và thể loại báo chí, Một số phương diện cụ thể của ngôn ngữ báo chí.

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức lý luận cơ bản về: báo chí (các loại hình và thể loại báo chí, các phong cách chức năng ngôn ngữ báo chí, kết cấu chung của văn bản báo chí), ngôn ngữ báo chí (đặc trưng ngôn ngữ báo chí, tính chất ngôn ngữ báo chí, chuẩn mực và vấn đề “chệch chuẩn” trong ngôn ngữ báo chí). Ngoài ra, một vài phương diện cụ thể của ngôn ngữ báo chí (tít báo, từ mới, thuật ngữ khoa học, danh pháp khoa học, kí hiệu khoa học, chữ tắt, số liệu...) cũng được nghiên cứu từ sự nhìn nhận về chuẩn mực ngôn ngữ và đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của các loại hình và thể loại báo chí. Trên cơ sở ấy, hình thành các kỹ năng cần thiết như: nhận diện các thể loại báo chí, phân tích đặc điểm ngôn ngữ, tạo lập và kiểm tra chất lượng các sản phẩm báo chí...

6.53. LCP329M, Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư, văn phòng (2 tín chỉ)

Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng là môn học tự chọn dành cho sinh viên ngành Ngữ văn. Môn học gồm 4 chương: quản trị văn phòng, soạn thảo văn bản, nghiệp vụ công tác văn thư, nghiệp vụ công tác lưu trữ. Môn học cung cấp những kiến thức lý luận và thực tế cơ bản cho sinh viên về công tác quản trị hành chính văn phòng và công tác văn thư lưu trữ trong một tổ chức/doanh nghiệp: quản lý hồ sơ, sắp xếp cuộc họp, thu thập và xử lý thông tin, viết văn bản, biểu mẫu, chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu... Qua môn học này, sinh viên có thể ứng dụng vào thực tế công việc tại các cơ quan, tổ chức.

6.54. FCF323M, Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian (2 tín chỉ)

Môn học thuộc phần tự chọn 2 trong khối kiến thức chuyên ngành, gồm ba chương nội dung chính. Chương 1 và chương 2 cung cấp những tri thức cơ bản về điền dã sưu tầm văn hóa dân gian: các vấn đề lý luận và thực tế, hệ thống các phương pháp điền dã, sưu tầm, cách thức tập hợp, đánh giá, lưu giữ, công bố tư liệu đã sưu tầm. Chương 3 giúp sinh viên bước đầu thực hành công tác điền dã, sưu tầm, tập hợp, xử lý tư liệu, viết báo cáo thu hoạch về quá trình và kết quả điền dã văn hoá dân gian. Từ đó, giúp sinh viên hiểu được các giá trị văn hóa dân gian trong đời sống thực tế, nguồn cội và mối liên hệ giữa các giá trị văn hóa đồng thời hình thành cho sinh viên phương pháp, kỹ năng và ý thức bảo tồn, gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc trong bối cảnh văn hoá đương đại.

6.55. MLC325M, Văn học trung đại Việt Nam trong ngữ cảnh văn hóa Đông Bắc Á (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Ngữ văn những tri thức cơ bản và khái quát về ngữ cảnh văn hóa Đông Bắc Á và văn học Đông Bắc Á; quá trình giao lưu của văn học trung đại Việt Nam với văn học các quốc gia Đông Bắc Á và những ảnh hưởng của văn hóa Đông Bắc Á đến văn học trung đại Việt Nam; tính thích ứng và độc lập của văn học Việt Nam trong ngữ cảnh văn hóa Đông Bắc Á; một số trường hợp giao lưu văn học điển hình của văn học trung đại Việt Nam với văn học các quốc gia Đông Bắc Á.

6.56. CVL326M, Văn học Việt Nam đương đại (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức tự chọn, trang bị một phần kiến thức cơ bản cho sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần Văn học Việt Nam đương đại ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Môn học gồm 2 chương, giới thiệu những vấn đề cơ bản về văn học Việt Nam đương đại (tình hình vận động và phát triển, các xu hướng sáng tác tiêu biểu; các hiện tượng văn học, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn này...). Đồng thời, định hướng tiếp cận một số tác phẩm văn học Việt Nam đương đại được chọn giảng ở nhà trường phổ thông.

6.57. CAD326M, Văn hóa và phát triển (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, nhóm các học phần tự chọn. Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản của chuyên ngành liên quan tới văn hóa, phân tích mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển, chỉ ra vai trò, ảnh hưởng, tác động của văn hóa tới sự phát triển kinh tế, xã hội và ngược lại. Môn học cũng liên hệ tới văn hóa Việt Nam, nhận diện và phân tích những đặc điểm cơ bản của văn hóa Việt Nam, vai trò của nó đối với sự phát triển của kinh tế, xã hội Việt Nam trong bối cảnh đương đại và sự tác động của kinh tế tới sự phát triển văn hóa.

6.58. POL327M, Văn học Hậu hiện đại thế giới (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho người học kiến thức cơ bản về văn học hậu hiện đại thế giới - phần kiến thức cần thiết đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp người học có nền tảng kiến thức để học tốt các môn học thuộc ngành Ngữ văn nói riêng, các môn học thuộc khối ngành khoa học xã hội nói chung ở trường học Việt Nam.

Môn học gồm có 3 chương, cung cấp cho người học cái nhìn tương đối hệ thống về văn học hậu hiện đại: những tiền đề dẫn đến sự xuất hiện của văn học hậu hiện đại; nội hàm của những khái niệm/ thuật ngữ cơ bản như: hỗn độn, trò chơi, hải hước đen, liên văn bản, phân mảnh, trung tâm/ ngoại vi, giải hoặc/ thiêng/ huyền thoại, huyền ảo, cực hạn... ; tiến trình phát triển của văn học hậu hiện đại trong thực tiễn sáng tác (các tác giả, tác phẩm) và lý luận; những khuynh hướng cơ bản của văn học hậu hiện đại thế giới; sự tiếp nhận văn học hậu hiện đại thế giới của văn học Việt

Nam. Môn học cũng định hướng đọc hiểu một số tác phẩm văn học Việt Nam theo tinh thần hậu hiện đại.

6.59. EPS331M, Tâm lý học giáo dục, (3 tín chỉ)

Môn học nhằm trang bị cho người học những khái niệm, quy luật và phương pháp chung nhất của tâm lý học giáo dục; những vấn đề lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em; cơ chế, qui luật và giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em; những cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học và giáo dục; mối quan hệ giữa dạy học và nhận thức, dạy học và giáo dục; các lý thuyết tâm lý học ứng dụng vào hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học một số vấn đề lý thuyết về những nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong nhà trường, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn vướng mắc về tâm lý. Đồng thời, môn học cũng là cơ sở để nghiên cứu các môn học khác trong chương trình đào tạo như: Giáo dục học và các chuyên ngành tâm lý học ứng dụng khác.

6.60. PEP341, Giáo dục học (4 tín chỉ)

Giáo dục học là môn học bắt buộc trong khối kiến thức nghiệp vụ của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm. Cung cấp cho sinh viên sư phạm những kiến thức cơ sở để hình thành phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; những kiến thức nền tảng để hình thành năng lực dạy học, năng lực giáo dục học sinh.

Môn học đề cập đến những nội dung sau:

- Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Kiến thức về mục đích và nhiệm vụ giáo dục.
- Kiến thức về lý luận dạy học như: khái niệm quá trình dạy học, cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất của quá trình dạy học, quy luật, động lực, lôgic của quá trình dạy học; nguyên tắc và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức tổ chức dạy học.
- Kiến thức về lý luận giáo dục: Khái niệm quá trình giáo dục, đặc điểm, bản chất của quá trình giáo dục, lôgic của quá trình giáo dục; Các nguyên tắc và phương pháp giáo dục; kiến thức và kỹ năng tổ chức một số hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.
- Những yêu cầu về nhân cách người giáo viên, đặc điểm lao động sư phạm vai trò và nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;

Môn Giáo dục học có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong chương trình đào tạo như: với Tâm lý học giáo dục, Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê nin, Phương pháp giảng dạy bộ môn, thực tập sư phạm, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên.

6.61. COS321M, Giao tiếp sư phạm (2 tín chỉ)

Môn học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo Sư phạm Tâm lý – Giáo dục nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp,

giao tiếp sư phạm: khái niệm, vị trí, vai trò và các giai đoạn của giao tiếp sư phạm; các nguyên tắc, phong cách và kỹ năng giao tiếp sư phạm. Qua đó, giúp người học rèn luyện một số kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản trong dạy học và giáo dục, như: Kỹ năng tìm hiểu môi trường giao tiếp; Kỹ năng tìm hiểu đối tượng giao tiếp; Kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu trong giao tiếp; Kỹ năng lắng nghe... Đồng thời, biết lựa chọn phong cách giao tiếp sư phạm phù hợp với đối tượng và tình huống giao tiếp; tự tin, chủ động trong giao tiếp. Môn học có mối quan hệ với nhiều môn học khác trong chương trình đào tạo, như: Tham vấn tâm lý, Giáo dục kỹ năng sống, Giao tiếp với các nhóm yếu thế...

6.62. DPC421M, Phát triển chương trình môn Ngữ văn (2 tín chỉ)

Môn *Phát triển chương trình môn Ngữ văn ở trường phổ thông* là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên Ngữ văn. Môn học này có mối liên hệ chặt chẽ với các môn học *Lí luận dạy học Ngữ văn*, *Phương pháp giảng dạy bộ môn Ngữ văn*, *Giáo dục học*, *Tâm lí học*... Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về phát triển chương trình nói chung, chương trình nhà trường, chương trình môn Ngữ văn nói riêng, đặc biệt là nâng cao kiến thức, kỹ năng về quy trình phát triển chương trình môn học, cách thức thực hiện phát triển chương trình và đánh giá chương trình môn Ngữ văn, rèn luyện và thực hành phát triển chương trình cho các trường chuyên biệt, trường khu vực thành phố, khu vực nông thôn, miền núi và thực hành một số bước cụ thể: rà soát, đánh giá chương trình phổ thông môn Ngữ văn hiện hành; thiết kế bảng phân phối chương trình môn Ngữ văn mới; thiết kế giáo án về một bài học hoặc một chủ đề học tập trong chương trình phát triển theo định hướng tiếp cận năng lực. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về tâm lí học sư phạm, giáo dục học, tiếng Việt, văn học.

6.63. TPT442M, Lý luận dạy học Ngữ văn (2 tín chỉ)

Môn *Lí luận dạy học Ngữ văn* là môn học có vị trí quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản để dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Kiến thức lí luận chung về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông: Mục tiêu của môn Ngữ văn ở trường phổ thông; Nội dung dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Quá trình dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Kiến thức lí luận về nguyên tắc và phương pháp dạy học Ngữ văn: Các nguyên tắc chung và các nguyên tắc đặc thù; Các phương pháp chung và các phương pháp đặc thù. Kiến thức lí luận về hình thức, phương tiện dạy học Ngữ văn. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về tâm lí học sư phạm, giáo dục học, tiếng Việt, văn học.

6.64. ETP424M, Đánh giá trong dạy học Ngữ văn (2 tín chỉ)

Môn *Đánh giá trong dạy học Ngữ văn* sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản để tổ chức quá trình đánh giá dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Môn học cung cấp những kiến thức lí luận chung về đánh giá trong giáo dục: Vai trò, mục đích, mục tiêu của đánh giá trong giáo dục; Khái niệm và các loại hình đánh giá trong giáo dục; Các phương pháp đánh giá trong dạy học Ngữ văn;

Các hình thức đánh giá trong dạy học Ngữ văn; Quy trình và kĩ thuật thiết kế đề kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn. Đồng thời môn học cũng cung cấp những kiến thức về đổi mới đánh giá trong dạy học Ngữ văn: Yêu cầu đổi mới đánh giá của giáo dục phổ thông; Đổi mới đánh giá dạy học Ngữ văn theo hướng tiếp cận năng lực; Đánh giá Pisa trong dạy học Ngữ văn. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về tâm lí học sư phạm, giáo dục học, tiếng Việt và lý luận dạy học Ngữ văn.

6.65. TPC423M, Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực (2 tín chỉ)

Môn học *Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực* sẽ cung cấp cho sinh viên những tri thức về năng lực ngữ văn và dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Đồng thời, qua môn học, sinh viên sẽ nắm được những phương pháp để phát triển năng lực cho học sinh một cách toàn diện. Nội dung của môn học được triển khai trong bốn chương: Chương 1, giới thiệu những kiến thức lý luận chung; Chương 2, phương pháp dạy học tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực HS; Chương 3, phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực HS; Chương 4, phương pháp dạy học làm văn ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực HS.

6.66. PEP425M, Thực hành sư phạm 1 (2 tín chỉ)

Môn *Thực hành sư phạm 1* sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản để dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Kết cấu của môn học gồm ba chương. Chương 1 thực hành rèn luyện kỹ năng diễn thuyết và xử lý tình huống sư phạm: rèn luyện kỹ năng diễn thuyết, rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống sư phạm. Chương 2 thực hành kỹ năng lên lớp. Chương 3 thực hành luyện tập một số kỹ năng biểu diễn nghệ thuật trong dạy học Ngữ văn. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về tâm lí học sư phạm, giáo dục học.

6.67. PEP426M, Thực hành sư phạm 2 (2 tín chỉ)

Thực hành sư phạm 2 sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản để dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Kết cấu của môn học gồm ba chương. Chương 1 rèn luyện kỹ năng soạn giáo án: kỹ năng xác định mục tiêu bài học, kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học, kỹ năng thiết kế các hoạt động dạy học. Chương 2 rèn luyện kỹ năng dạy học: kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học, kỹ năng lựa chọn hình thức tổ chức lớp học. Chương 3 rèn luyện kỹ năng đánh giá hoạt động dạy học Ngữ văn: kỹ năng đánh giá hoạt động dạy học Ngữ văn; định hướng điều chỉnh kế hoạch dạy học. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về tâm lí học sư phạm, giáo dục học, tiếng Việt, văn học và lý luận dạy học Ngữ văn.

6.68. TRA421M, Thực tập sư phạm 1 (2 tín chỉ)

6.69. TRA432M, Thực tập sư phạm 2 (3 tín chỉ)

6.70. ITP427M, Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn (2 tín chỉ)

Môn *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn* trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Kết cấu của môn học gồm ba chương. *Chương 1*: cung cấp những kiến thức lý thuyết chung về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn: Vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn; Tìm kiếm, khai thác thông tin và xây dựng ngân hàng dữ liệu trong dạy học Ngữ văn; Một số phần mềm công nghệ thông tin ứng dụng trong dạy học Ngữ văn. *Chương 2*: cung cấp những kiến thức về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn: Nguyên tắc sư phạm, lựa chọn nội dung, hình thức ứng dụng trong dạy học Ngữ văn; Thiết kế các slide; Thiết kế các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học. *Chương 3*: thực hành rèn luyện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin, dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.

6.71. TLT428M, Dạy học Lý luận văn học ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần *Dạy học lý luận văn học ở trường phổ thông* trang bị cho người học những kiến thức lý luận chung về dạy học lý luận ở trường phổ thông, phương pháp dạy học lý luận văn học. Kết cấu của môn học gồm ba chương. *Chương 1*: cung cấp những kiến thức lý luận chung: Chương trình phần lý luận văn học ở trường phổ thông và yêu cầu phát triển năng lực học sinh trong dạy học lý luận văn học, xây dựng chương trình nhà trường phần lý luận văn học hướng vào phát triển năng lực học sinh. *Chương 2*: cung cấp những kiến thức về kỹ năng Dạy học lý luận văn học ở trường phổ thông: Dạy học các tri thức lý luận văn học, Vận dụng tri thức lý luận văn học trong đọc hiểu văn bản, Vận dụng tri thức lý luận văn học trong dạy học làm văn. *Chương 3*: Thực hành dạy học lý luận văn học: Thực hành xây dựng chương trình lý luận văn học ở trường phổ thông; Thực hành lập kế hoạch dạy học; Thực hành tổ chức các hoạt động dạy học lý luận văn học ở trường phổ thông.

6.72. SRT429M, Nghiên cứu khoa học trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Chuyên đề *Nghiên cứu khoa học trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông* được triển khai trong ba chương. Nội dung ba chương trang bị cho học viên những kiến thức lý luận về nghiên cứu khoa học và hoạt động nghiên cứu khoa học ở trường phổ thông.

6.73. OCT420M, Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp và cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm đối với môn Ngữ văn trong trường phổ thông. Môn học gồm có ba chương. Chương 1 giới thiệu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động trải nghiệm, trong đó có lý luận về hoạt động trải nghiệm và thực tiễn tổ chức hoạt động này ở Việt Nam và thế giới. Chương 2 đề cập đến các phương pháp và hình thức cơ bản mang tính chất đặc thù của

môn Ngữ văn trong trường THPT. Chương 3 là chương thực hành thiết kế một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Từ đó người học có thể hiểu biết và vận dụng để thực hành, tổ chức hiệu quả hoạt động trải nghiệm mà bản thân đang giảng dạy.

6.74. APW421M, Tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận ở trường phổ thông sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản để rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận cho học sinh phổ thông. Kết cấu của môn học gồm ba chương. Chương 1 Xây dựng bài tập rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận. Chương 2 Thiết kế hoạt động rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận. Chương 3 Tổ chức hoạt động rèn luyện kỹ năng viết văn nghị luận. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về tâm lí học sư phạm, giáo dục học, tiếng Việt, văn học, làm văn và lí luận dạy học Ngữ văn.

6.75. LIT971M, Khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

6.76. TTB931M, Dạy học văn bản văn học ở trường phổ thông (3 tín chỉ)

Chuyên đề *Dạy học văn bản văn học ở trường phổ thông* được triển khai trong ba chương. Nội dung ba chương trang bị cho học viên những kiến thức lý luận về phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản: Dạy học đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông (đọc hiểu văn bản, mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, yêu cầu dạy học, đánh giá năng lực đọc hiểu, ...); Phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản (phương pháp dạy đọc kí hiệu văn bản, phương pháp dạy giải mã văn bản, phương pháp dạy kiến tạo nghĩa cho văn bản, phương pháp dạy học văn); Thực hành dạy học đọc hiểu văn bản (thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông).

6.77. TEP931M, Dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn (3 tín chỉ)

Chuyên đề *Dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn* là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên Ngữ văn. Môn học này có mối liên hệ chặt chẽ với các môn học *Phát triển chương trình môn Ngữ văn ở trường phổ thông, Lí luận dạy học Ngữ văn, Phương pháp giảng dạy bộ môn Ngữ văn, Giáo dục học, Tâm lí học...* Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về cần thiết để dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn ở trường phổ thông như khái niệm, mục tiêu, yêu cầu, đặc điểm của chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn; rèn luyện kỹ năng dạy học chuyên đề tự chọn môn Ngữ văn; ngoài ra môn học còn rèn luyện kỹ năng dạy học chuyên đề tích hợp và phân hoá trong dạy học Ngữ văn với những kỹ năng lựa chọn nội dung, thiết kế hoạt động dạy học, tổ chức hoạt động dạy học, đánh giá kết quả dạy học... Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, giáo dục học, tiếng Việt, văn học, lí luận dạy học Ngữ văn, năng lực ngữ văn và năng lực dạy học Ngữ văn.

6.78. TTC931M, Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường phổ thông sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản để dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường phổ thông. Kết cấu của môn học gồm ba chương. Chương 1 Lý luận chung sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận về văn bản thông tin, phương pháp đọc hiểu, và phương pháp đọc hiểu văn bản thông tin. Chương 2 Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin sẽ trang bị kiến thức về nội dung, yêu cầu, quy trình, cách thức dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường phổ thông. Chương 3 Thực hành dạy học sẽ rèn luyện kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học cho sinh viên. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về tâm lý học sư phạm, giáo dục học, làm văn và lý luận dạy học Ngữ văn.

6.79. CEL926N, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong mối quan hệ với văn hóa (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, thuộc học phần tự chọn. Môn học có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên Ngữ văn hệ thống kiến thức cơ bản về ngôn ngữ trong mối quan hệ với văn hóa của các DTTS, vai trò của ngôn ngữ trong việc bảo tồn và phát triển các thành tố văn hóa khác.

Thông qua những kiến thức được cung cấp trong nội dung của các chương: *Ngôn ngữ với tư cách một thành tố trong văn hóa các DTTS; Ngôn ngữ trong đời sống văn hóa các DTTS; Ngôn ngữ với vấn đề bảo tồn, phát triển các thành tố văn hóa khác của các DTTS*, người học có thể nắm được những vấn đề cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa của các DTTS. Người học cũng sẽ có điều kiện đi thực tế tìm hiểu về ngôn ngữ và văn hóa tại một số địa phương có đồng bào các DTTS sinh sống. Từ đó, nội dung môn học góp phần giúp người học có khả năng nhận diện và xử lý được những yêu cầu của thực tiễn đặt ra liên quan đến công tác giáo dục ở vùng đồng bào các DTTS.

6.80. IFC921M, Giải mã văn học dân gian từ mã văn hóa (2 tín chỉ)

Môn học thuộc phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành, gồm ba chương. Chương 1: Đề cập đến những vấn đề lý thuyết về mã, mã văn hóa và mối quan hệ giữa văn học với văn hóa; người học hiểu kí hiệu, tín hiệu, biểu tượng văn hóa. Chương 2: Cung cấp cách thức tiếp cận văn học dân gian từ mã văn hóa; với những cách tiếp cận dấu ấn trong nội dung và hình thức văn bản tác phẩm; tiếp cận dấu ấn lịch sử xã hội từ góc nhìn đồng đại; tiếp cận dấu ấn lịch sử xã hội từ góc nhìn lịch đại. Chương 3: Người học có thể giải mã văn học dân gian từ mã văn hóa với một số vấn đề cụ thể như: Giải mã tín ngưỡng, phong tục, tập quán trong thần thoại, truyền thuyết và truyện cổ tích; giải mã biểu tượng trong ca dao và dân ca; giải mã các con số trong tục ngữ và lời nói văn. Giúp sinh viên hiểu được các giá trị văn học, văn hóa dân gian và vận dụng trong đời sống thực tế, từ đó hình thành phương pháp, kỹ năng và ý thức bảo tồn, gìn giữ, phát huy giá trị văn học dân gian, văn hóa dân gian các dân tộc trong bối cảnh văn hoá đương đại.

6.81. TTS921M, Thơ Mới và dạy học Thơ Mới ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Môn học gồm 2 chương, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là một trong những học phần chọn nhằm trang bị cho người học những tri thức cơ bản, chuyên sâu về Thơ mới, thi pháp Thơ mới và dạy học Thơ mới ở trường phổ thông. Đồng thời, người học có thể vận dụng để thực hành, giảng dạy tốt các tác phẩm Thơ mới trong chương trình phổ thông.

6.82. ALW921M, Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, nhằm trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ sở về ngôn ngữ, bao gồm: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và một số gợi ý về việc ứng dụng các kiến thức đó vào việc nghiên cứu, phân tích tác phẩm văn chương.

Môn học được cấu trúc thành 3 chương: *Ứng dụng một số lí thuyết Ngữ âm tiếng Việt trong nghiên cứu tác phẩm văn chương; Ứng dụng một số lí thuyết về Từ vựng tiếng Việt trong nghiên cứu tác phẩm văn chương; Ứng dụng một số lí thuyết Ngữ pháp tiếng Việt trong nghiên cứu tác phẩm văn chương.*

Thông qua những kiến thức được cung cấp trong nội dung môn học này, người học sẽ được trang bị cơ sở lý luận khoa học và kỹ năng cơ bản để nghiên cứu, phân tích phẩm văn chương.

6.83. FLI921M, Tiếp cận văn học dân gian từ góc độ nghiên cứu liên ngành (2 tín chỉ)

Môn học thuộc phần tự chọn 2 trong khối kiến thức chuyên ngành, gồm ba chương nội dung chính. Chương 1 cung cấp những kiến thức nền tảng: lý luận về văn học dân gian, mối quan hệ giữa văn học dân gian và khoa học liên ngành, đặc điểm, vai trò, các hướng tiếp cận của phương pháp nghiên cứu liên ngành. Chương 2 cung cấp những tri thức cơ bản, cụ thể về hướng tiếp cận văn học dân gian từ góc độ Ngữ văn học trên cơ sở hiểu, lý giải về đặc trưng văn bản, nguồn gốc, tư tưởng thẩm mỹ và nghệ thuật các sáng tác văn học dân gian. Chương 3 giúp người học hình thành được tri thức về cách tiếp cận văn học dân gian từ góc độ nhân học văn hóa trên cơ sở nhận thức về khoa học nhân học văn hóa, mối quan hệ giữa văn học với tổng thể folklore.

Môn học này có quan hệ mật thiết với các môn học như: *Văn học dân gian Việt Nam, Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông.*

6.84. CML921M, Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp, đào sâu tri thức trong tác phẩm văn học Việt Nam trung đại và trau rèn nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp họ có nền tảng kiến thức và kỹ năng cần thiết để giảng dạy tốt hơn phần Văn học Việt Nam trung đại ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Môn học gồm 03 chương: Chương 1 trang bị cho sinh viên ngành Ngữ văn những tri thức cơ bản và khái quát về văn hóa truyền thống, giá trị văn hóa truyền thống và mối quan hệ của văn hóa với văn học đặc biệt là văn học Việt Nam trung đại. Chương 2 đi sâu nhận diện, phân tích văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên trong các tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại. Chương 3 tập trung làm rõ các phương diện của văn hóa ứng xử gia đình và xã hội trong các tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại. Trên cơ sở đó đề xuất định hướng tích hợp giáo dục văn hóa ứng xử xã hội trong dạy – học các tác phẩm văn học trung đại ở SGK Ngữ văn PT.

6.85. LIL931M, Văn học và đời sống (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, là học phần lựa chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và mở rộng về mối quan hệ giữa đời sống văn học và đời sống xã hội.

Môn học gồm 3 chương, giới thiệu lí thuyết, tổ chức thảo luận và thực hành về các nội dung mang tính tổng hợp sau: Văn học với vấn đề chiến tranh và hoà bình (Văn học và các cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại của dân tộc, Văn học với những góc khuất của chiến tranh, Văn học và khát vọng tự do, hòa bình của con người); Văn học với các vấn đề về đạo đức xã hội (Văn học với các vấn đề: tình bạn, tình yêu, tình gia đình, Văn học với các vấn đề: thiện – ác, Văn học với các vấn đề: lương tâm và trách nhiệm); Văn học với các vấn đề về tự nhiên (Văn học và vấn đề môi trường sinh thái, Văn học và vấn đề con người ứng xử với tự nhiên).

6.86. PCW931M, Đề án viết sáng tạo (2 tín chỉ)

Môn học nằm trong khối kiến thức tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp của sinh viên sư phạm Ngữ văn, cung cấp cơ sở lí thuyết và cơ hội thực hành cho sinh viên trong việc viết sáng tạo ở các thể loại hư cấu nói chung, phi hư cấu nói riêng.

Môn học được tiếp cận theo hình thức dạy học theo đề án và chia làm 3 chương: Chương 1 trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về viết sáng tạo. Chương 2 cung cấp lí thuyết và một số kinh nghiệm viết sáng tạo một số thể loại hư cấu. Trong chương 3, sinh viên sẽ học và viết một số thể loại phi hư cấu như tiểu sử, du ký, báo chí và phê bình sách.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Thị Tính

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Ngô Thị Thanh Quý